

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2023-2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng .

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 38A Đình Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0225 3823884

- Địa chỉ thư điện tử: tieuhocdinhtienhoang@hongbang.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thdinhtienhoang.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng: Đào tạo thế hệ tương lai của đất nước trở thành những công dân toàn cầu: ưu tú, năng động, khỏe về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và có đủ bản lĩnh, tự tin vươn cao, hội nhập với thế giới.

4.2. Tầm nhìn: Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng hướng đến mục tiêu xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại, thân thiện với chất lượng giáo dục và chăm sóc là ưu tiên hàng đầu; góp phần tạo chuyển biến tích cực trong sự nghiệp trồng người.

4.3. Mục tiêu: Phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng trong thời kỳ đổi mới, tiếp tục khẳng định thương hiệu nhà trường; Xây dựng trường tiểu học Đình Tiên Hoàng chất lượng cao, phát triển bền vững; là đơn vị xuất sắc, dẫn đầu khối các trường tiểu học trong thành phố.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Đình Tiên Hoàng được thành lập vào tháng 9/1970 tại trường Dân Chính nay là Trung tâm GDTX thành phố.

Tháng 9/1971 trường được chuyển về địa chỉ 38A Đình Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, lúc đó khuôn viên trường bao gồm toàn bộ khu nhà A và dãy nhà kho phía bên ngoài cổng trường. Trường có 24 lớp.

Tháng 9/1976: Sáp nhập trường cấp II Đình Tiên Hoàng và cấp II Nguyễn Trãi thành trường cấp II Đình Tiên Hoàng. Khuôn viên trường bao gồm khu nhà A, tầng 2+3,



khu B và dãy nhà kho. Trường có 30 lớp.

Tháng 9/1978: Trường mang tên PTCS cấp 1,2 Đinh Tiên Hoàng do thầy giáo Phạm Trọng Tuệ làm Hiệu trưởng. Trường có từ 47 đến 52 lớp.

Từ tháng 8/1991 thực hiện Quyết định của UBND quận về việc sắp xếp lại các trường PTCS trực thuộc quận, trường mang tên PT cấp I Đinh Tiên Hoàng. Khuôn viên nhà trường được cải tạo và mở rộng gồm 4 khu A, B, C, D và trung tâm thể dục thể thao.

Tháng 4/2004 trường chuyển đổi từ công lập sang mô hình bán công. Đến năm 2006-2007 theo Luật Giáo dục đổi mới 2005 không còn mô hình bán công. Trường Tiểu học bán công Đinh Tiên Hoàng được đổi lại là trường công lập với tên gọi Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng. Trường có từ 45 đến 47 lớp.

Trong thời gian qua quy mô trường lớp không ngừng phát triển lớn mạnh, cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng và cải tạo khang trang hiện đại. Ngoài 4 khu nhà A, B, C, D trường được xây dựng mới khối nhà đa năng 3 tầng gồm nhà bếp, các phòng học và Trung tâm TĐTT.

Tháng 7/2014 chi bộ Đảng nhà trường thuộc Đảng bộ phường Hoàng Văn Thụ được nâng cấp thành Đảng bộ cơ sở trực thuộc Quận ủy Hồng Bàng.

Tháng 9/2015 trường sáp nhập thêm trường Tiểu học Nguyễn Du địa chỉ 117 Quang Trung thành điểm trường B mở rộng quy mô trường lớp.

Tháng 6/2022, điểm trường B tại địa chỉ 117 Quang Trung đổi sang 14 Phan Bội Châu, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng bàng, Hải Phòng.

Năm học 2024-2025, trường có 53 lớp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Bà Đoàn Thị Thu Hằng - Bí thư đảng uỷ, Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0912704878

Địa chỉ thư điện tử: doanhangdth72@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập: Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của UBND quận Hồng Bàng về việc sáp nhập trường Tiểu học Nguyễn Du vào trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND quận Hồng Bàng về việc kiện toàn Hội đồng trường



nhiệm kỳ 2023-2028.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: được thực hiện theo Quyết định số 87/QĐ-ĐTH ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				CBGV Hoàn thành BD hàng năm		Ghi chú		
			TS	ThS	ĐH	CD	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	HT	CHT			
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	97		18	77	2			95	2						97	0		
	Giáo viên	91		15	74	2			89	2			89	2					
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:																		
1	Tiếng dân tộc																		
2	Ngoại ngữ	8			8				8				8						
3	Tin học																		
4	Âm nhạc	3			3				3				3						
5	Mỹ thuật	4			4				4				4						
6	Thể dục																		
II	Cán bộ quản lý	3		3					3				3						
1	Hiệu trưởng	1		1					1				1						
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2				2						
III	Nhân viên	3			3														
1	Nhân viên văn thư	1			1														
2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ																		
4	Nhân viên TV, TB	1			1														

HỒ TÀI LIỆU

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Số phòng học/số lớp	53/53	Số m ² /học sinh
2	Loại phòng học		-
	Phòng học kiên cố	53	-
	Phòng học bán kiên cố	0	-
	Phòng học tạm	0	-
	Phòng học nhờ, mượn	0	-
3	Số điểm trường lẻ	1	-
4	Tổng diện tích đất (m²)	4693.4	2.8
	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1386	
6	Tổng diện tích các phòng	2760	
	Diện tích phòng học (m ²)	45	
	Diện tích thư viện (m ²)	170	
	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	215	
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	30	
	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50	
	Diện tích phòng học tin học (m ²)	180	
	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30	
	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	160	
7	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
7.1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	53	
	Khối lớp 1	9	1bộ/ lớp
	Khối lớp 2	10	1bộ/ lớp
	Khối lớp 3	10	1bộ/ lớp
	Khối lớp 4	12	1bộ/ lớp
	Khối lớp 5	12	1bộ/ lớp
7.2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
	Khối lớp 1	0	
	Khối lớp 2	0	
	Khối lớp 3	0	
	Khối lớp 4	0	
	Khối lớp 5	0	
8	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	160	
9	Tổng số thiết bị dùng chung khác	150	
	Ti vi	63	
	Cát xét	7	
	Máy soi	40	
	Đèn chiếu	4	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	Ti vi	64	
	Máy photo	02	
	Máy in	11	
	Màn hình led	02	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
10	Nhà bếp	02/248
11	Nhà ăn	4/780

	Nội dung	Số lượng phòng	tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
12	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	53	2438	1820	1.34

13. Danh mục sách giáo khoa

LỚP 1

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
6	Giáo dục Thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh diều
7	Âm nhạc 1	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực

8	Mĩ thuật 1	Đoàn Thị Mỹ Hương (Tổng Chủ biên), Trịnh Đức Minh, Bạch Ngọc Diệp (đồng Chủ biên), Nguyễn Gia Bảy, Nguyễn Quỳnh Nga, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
9	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	i-Leam Smart Start

LỚP 2

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mỹ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

		Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.		
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tùng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	i-Learn Smart Start

LỚP 3

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tin học 3	Trần Trung (Chủ biên), Trịnh Thị Phương Thảo, Chu Vĩnh Quyên, Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Ngọc Giang, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm	Nhà xuất bản Đại học Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

7	Giáo dục Thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh điều
8	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tiếng Anh 3	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	i-Learn Smart Start
12	Tiếng Pháp 3	Nguyễn Quang Thuấn (Tổng chủ biên- Kiêm chủ biên) Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Hồng Lê, Phạm Thị Anh Nga, Nguyễn Việt Quang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

LỚP 4

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 4	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Đại học Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh diều
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo Bản 1
12	Tiếng Anh 4	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	i-Learn Smart Start

5. LỚP 5

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
Tiếng Việt 5	Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Trần Mạnh Hường, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Trí	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Toán 5	Đỗ Đình Hoan (chủ biên)- Nguyễn Áng- Đặng Tỵ Ân-Vũ Quốc Chung- Vũ Tiên Đạt-Đỗ Trung Hiệu- Đào Thái Lai- Trần Văn Lý-Phạm Thanh Tâm- Kiều Đức Thành- Lê Đức Thành- Vũ Dương Thụy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Đạo đức 5	Lưu Thu Thủy (Chủ biên)- Nguyễn Việt Bắc- Nguyễn Hữu Hợp- Trần Thị Tố Oanh- Mạc Văn Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Lịch sử và Địa lí 5	Nguyễn Anh Dũng (Chủ biên)- Nguyễn Hữu Chí- Trần Việt Lưu-Nguyễn Tuyết Nga-Nguyễn Minh Phương- Phạm Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Khoa học 5	Bùi Phương Nga (Chủ biên)- Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Tin học 5	Đào Thái Lai (Chủ biên), Nguyễn Xuân Anh, Trần Ngọc Khoa, Đỗ Trung Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Kĩ thuật	Đoàn Chi (Chủ biên)-Nguyễn Huỳnh Liễu- Trần Thị Thu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Âm nhạc 5	Hoàng Long (Chủ biên)- Nguyễn Minh Châu- Hoàng Lâm- Lê Đức Sang- Lê Anh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Mĩ thuật 5	Nguyễn Quốc Toàn (Chủ biên)-Nguyễn Hữu Hạnh – Đàm Luyện- Bùi Đỗ Thuật- Bạch Ngọc Diệp- Nguyễn Đức Toàn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên)- Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trương Thị Ngọc Minh, Nguyễn Quốc Tuấn Với sự cộng tác của Ken Wisol	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Về quy mô trường lớp: nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí học sinh cho phù hợp với diện tích phòng học. Trong những năm học tới, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch giảm sĩ số học sinh và tăng diện tích sử dụng để đảm bảo đủ diện tích theo quy định và yêu cầu hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh và theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Về công tác bồi dưỡng giáo viên – nhân viên: Ngay từ đầu tháng 9/2024, đồng chí Phó Hiệu trưởng lập danh sách giáo viên tham gia giao lưu viết chữ đẹp và Giáo viên thi Thiết kế thiết bị dạy học số để có kế hoạch rèn luyện; phân công cho các khối trưởng cùng BGH đơn đốc, động viên các đ/c tích cực tham gia tập luyện. Đầu tháng 9/2022, nhà trường tổ chức thi Thiết kế thiết bị dạy học số và đầu tháng 10/2022, nhà trường tổ chức giao lưu giáo viên viết chữ đẹp cấp trường. Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên tham gia thi các cấp. Nhà trường sắp xếp lịch khoa học hơn, tạo điều kiện cho giáo viên tăng cường việc tự bồi dưỡng hiệu quả hơn. BGH

tạo điều kiện giáo viên bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ lưu trữ thông qua các chuyên đề liên quan tới nghiệp vụ. Tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên kế toán được học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề và học hỏi kinh nghiệm ở các đơn vị bạn.

- Công tác phổ cập giáo dục tiểu học: Nhà trường phối hợp với Ban chỉ đạo PCGD phường Hoàng Văn Thụ để phân công giáo viên kết hợp với Công an hộ tịch của địa bàn theo dõi kịp thời số trẻ trong diện phổ cập, cập nhật những thay đổi về dân số để xây dựng kế hoạch tuyển sinh chính xác, sát với kế hoạch, huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi quy định.

- Công tác bồi dưỡng học sinh: Ban Giám hiệu tiếp tục xây dựng kế hoạch phân công giáo viên tăng cường bồi dưỡng học sinh còn chậm nhận thức ở các khối lớp.

- Hoạt động ngoài giờ lên lớp: Nhà trường có kế hoạch bố trí lựa chọn khối lớp tham gia các hoạt động cho phù hợp.

- Về kết quả giáo dục: giáo viên phân loại học sinh, lập kế hoạch phụ đạo trong từng tiết học, soạn bài phù hợp với khả năng của từng đối tượng học sinh, tăng cường rà soát, tư vấn học sinh, phát động phong trào đôi bạn cùng tiến, phối kết hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh. Có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời đối với những em có tiến bộ.

- Công tác Ban đại diện CMHS: Đầu năm học, trước khi bầu Ban đại diện CMHS, nhà trường phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xây dựng tiêu chí bầu ban đại diện CMHS. Chọn người nhiệt tình, tâm huyết với công việc đưa vào Ban chấp hành để Ban thường trực đại diện CMHS hoạt động hiệu quả hơn. Ban Giám hiệu sắp xếp thời gian họp lí để Ban thường trực đại diện CMHS cùng tham gia đầy đủ vào các hoạt động.

- Công tác thư viện – thiết bị: Cán bộ thư viện cần kết hợp chặt chẽ hơn nữa với giáo viên của cả 02 điểm trường để triển khai các hoạt động của thư viện được đồng đều hơn. Nhà trường và cán bộ thiết bị xây dựng kế hoạch, tư vấn, khuyến khích động viên, có kiểm tra giám sát, đánh giá giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.

- Công tác quản lí: Triển khai kế hoạch tuyên truyền tới toàn thể CB, GV, NV và HS việc tiết kiệm giấy và nước cho hợp lý. Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm đáp ứng tốt công tác quản lí, dạy và học.

- Công tác y tế: Trong năm học 2024 – 2025, nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền tới PHHS để có kế hoạch rèn luyện con em mình nhằm giảm tỷ lệ béo phì trong HS.

- Cơ sở vật chất: Ngay từ hè năm 2024, nhà trường tiến hành xây bể ngầm chứa nước và cải tạo hệ thống phòng học để phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo quy định.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

1. Kết quả tuyển sinh

Dân số độ tuổi Lớp 1			Kế hoạch giao		Thực hiện tuyển sinh				Ghi chú
Tổng số	Khuyết tật	Phải huy động	Tổng số lớp	Tổng số HS	Tổng số lớp	Tổng số HS	Đúng địa bàn	Ngoài địa bàn	
86	0	86	09	315	09	316	68	248	

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo từng khối

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1929	349	316	401	435	428
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1929	349	316	401	435	428
III	Số học sinh khuyết tật hòa nhập	4	1	2	1	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục	1501	349	316	401	435	
1	Hoàn thành xuất sắc (tỉ lệ so với tổng số) 95.1%	1425	338	299	382	406	
2	Hoàn thành tốt (tỉ lệ so với tổng số) 1.93%	29	3	2	7	17	
3	Hoàn thành (tỉ lệ so với tổng số) 2.97%	44	7	13	12	12	
4	Chưa hoàn thành (HS Khuyết tật) (tỉ lệ so với tổng số)	3	1	2			
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1929	349	316	401	435	428
1	Số HS hoàn chương trình lớp học (tỉ lệ so với tổng số) 99.84%	1926	348	314	401	435	428
	HS được khen thưởng cấp trường (tỉ lệ so với tổng số) 96.94 %	1870	343	299	391	412	425
	HS được cấp trên khen thưởng (tỉ lệ so với tổng số) 13.73 %	265	72	37	52	38	66
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (HS Khuyết tật)	3	1	2	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

		Đơn vị tính: Nghìn đồng
TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
2	Học thêm, học nghề	
2.1	Học thêm	
2.2	Học nghề tin	
3	Tài trợ, hỗ trợ	
3.1	Tiền tài trợ giáo dục	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang:	430,152
3.1.2	Tổng số thu trong năm	973,500
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.403,652
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	1.403,652
3.1.5	Số chi trong năm	1.403,652
	Trong đó: - Sửa chữa sơn bả cầu thang, cấu tạo hệ thống thoát nước	37,973
	- Sửa chữa, bảo trì thang máy, màn hình led, bảo dưỡng điều hòa các lớp, đường mạng	129,195
	- Mua thiết bị phòng stem	194,461
	- Làm biển công trường, pano khẩu hiệu	165,677
	- Lắp đặt phòng học thông minh	856.147
	- Mua máy in, giá treo tivi	20.199
3.1.6	Số dư cuối năm	0
4	Dịch vụ: Trông xe, bán trú	
4.1	Trông xe	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.1.2	Mức thu: 50.000/ tháng (5 tháng)	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	171,620
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	171,620
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	171,620
4.1.6	Số chi trong năm	171,620
	Trong đó: - Nộp thuế	17,162
	- HT CSVN phục vụ coi xe	3,432
	- Chi cho người trực tiếp coi xe, bồi dưỡng thanh niên trực ATGT	151,026
4.1.7	Số dư cuối năm	0
4.2	Bán trú	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0

4.2.2	Mức thu: 150.000/ tháng	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	2.479,607
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.479,607
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	2.479,607
4.2.6	Số chi trong năm	2.479,607
	Trong đó: Chi tiền công cho nhân viên nấu ăn	1.115,823
	- Chi trông trưa, trực trưa bán trú	1.115,823
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	198,368
	Nộp thuế TNDN	49,592
4.2.7	Số dư cuối năm	0
4.3	Quản lý HS ngoài giờ chính thức	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.3.2	Mức thu: 10.000/ tiếng	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	3.171,910
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.171,910
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	3.171,910
4.3.6	Số chi trong năm	3.171,910
	Trong đó: Chi tiền GV trông ngoài giờ	2.378,932
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	475,786
	Nộp thuế TNDN	63,438
	Chi khen thưởng	158,595
	Chi cho người PV	95,157
4.3.7	Số dư cuối năm	0
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh, Tiếng Anh có yêu tố người nước ngoài, Tin học, Stem	
5.1	Kỹ năng sống	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.1.2	Mức thu: 12.000/ tiết	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	368,487
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	368,487
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	368,487
5.1.6	Số chi trong năm	368,487
	Trong đó: - Chi trả công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm	309,529
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	25,794
	- Chi phúc lợi	2,093
	- Chi HT CSVN, điện, nước	11,054
	- Nộp thuế	1,179
5.1.7	Số dư cuối năm	0
5.2	Tiếng anh người nước ngoài	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.2.2	Mức thu: 40.000/ tiết	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	2.070,475
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.070,475
5.2.5	Số nộp vào ngân hàng ⁽³⁾	2.070,475



5.2.6	Số chi trong năm:	2.070,475
	Trong đó: - Chi trả công ty Econect, Cty GD PT thời đại	1,759,094
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	165,638
	- Chi phúc lợi	97,312
	- Chi HT CSVC, điện, nước	41,409
	- Nộp thuế	6,221
5.2.7	Số dư cuối năm	0
5.3	Tiếng anh tự chọn	
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.3.2	Mức thu: 96.000/ tháng	
5.3.3	Tổng số thu trong năm	828,028
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	828,028
5.3.5	Số nộp vào ngân hàng	828,028
5.3.6	Số chi trong năm:	828,028
	Trong đó: - Chi trả công ty Econect	662,422
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	41,401
	- Chi phúc lợi	82,802
	- Chi HT CSVC, điện, nước	38,089
	- Nộp thuế	0,622
5.3.7	Số dư cuối năm	0
5.4	Tin học tự chọn	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.4.2	Mức thu: 48.000/ tháng	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	178,976
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	178,976
5.4.5	Số nộp vào ngân hàng	178,976
5.4.6	Số chi trong năm:	178,976
	Trong đó: - Chi trả công ty Tiên Phát	143,180
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	8,948
	- Chi phúc lợi	17,897
	- Chi HT CSVC, điện, nước	8,232
	- Nộp thuế	0,715
5.4.7	Số dư cuối năm	0
5.5	Stem	
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.5.2	Mức thu: 31.250/ tiết	
5.5.3	Tổng số thu trong năm	1.242,329
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.242,329
5.5.5	Số nộp vào ngân hàng	1.242,329
5.5.6	Số chi trong năm:	1.242,329
	Trong đó: - Chi trả công ty Stem	1.118,096
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	62,116
	- Chi phúc lợi	34,785

	- Chi HT CSVCS, HD trải nghiệm stem	24,846
	- Nộp thuế	2.484
5.5.7	Số dư cuối năm	0
6	Thu hộ, chi hộ: Nước uống, đội, HTCSVCS, điện, nước, Mua sắm TTB phục vụ bán trú	
6.1	Nước uống học sinh	
6.1.1	Số học sinh	1920
6.1.2	Mức thu: 10.000/ tháng	
6.1.3	Tổng thu	171,620
6.1.4	Đã chi	171,620
6.1.5	Dư	0
6.2	Quỹ đội	
6.2.1	Số học sinh	1920
6.2.2	Mức thu: 30.000/ năm học	
6.2.3	Tổng thu	57.540
6.2.4	Đã chi	57.540
6.2.5	Dư	0
6.3	Hỗ trợ CSVCS, điện, nước	
6.3.1	Số học sinh	1920
6.3.2	Mức thu: 30.000/ tháng	
6.3.3	Tổng thu	515,993
6.3.4	Đã chi	515,993
6.3.5	Dư	0
6.4	Mua sắm TTB phục vụ bán trú	
6.4.1	Số học sinh	1920
6.4.2	Mức thu: 200.000/ năm học	
6.4.3	Tổng thu	307,400
6.4.4	Đã chi	307,400
6.4.5	Dư	0
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.761.053.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.585.972.274

HỒN
TỜ
J H
EN HO

	Chi thanh toán cá nhân	16.420.497.264
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	375.545.000
	Chi mua sắm sửa chữa	539.930.010
	Chi khác	250.000.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.175.080.926
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	865.080.926
	Chi khác	310.000.000
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	37,270
	Mức bình quân (đ/người/năm)	32,576
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	25,630
2	Mức thu nhập của giáo viên	0
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	17,600
	Mức bình quân (đ/người/năm)	12,500
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	5,650
	MỨC CHI CHO HỌC SINH	0
D	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	10,445
1	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	2,068

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Đảng bộ đạt Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, nhận giấy khen của Quận ủy Hồng Bàng.

2. Trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc: Đề nghị nhận Cờ thi đua Chính Phủ;

Công đoàn nhà trường: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, nhận Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam;

Đội TNTP Hồ Chí Minh: Liên đội mạnh cấp thành phố.

14 đồng chí đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 98 đồng chí đạt Lao động Tiên tiến; 20 đồng chí Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

01 đ/c được nhận bằng Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ; 01 đồng chí được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố; 01 đ/c đạt nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp thành phố; 04 đồng chí được nhận Giấy khen của UBND quận; 02 đồng chí nhận Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT;

3. Chất lượng giáo dục

- 99,9% học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học.
- 100% học sinh khối 5 Hoàn thành chương trình tiểu học
- Tổng số toàn trường đạt **684 giải** trong các cuộc thi, giao lưu. Trong đó: 68 giải Quốc tế và Hội nhập; 359 giải cấp Quốc gia; 123 giải cấp Thành phố và 132 giải cấp Quận.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Thu Hằng